

Mã chương: 422

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trường THPT Nam Trực

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1014213

Mã cấp NS: 2

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**  
Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	074	6157	00000	0	0	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
Nhà cửa	12	074	6907	00000	0	0	48.290.000	48.290.000	48.290.000	48.290.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	074	6912	00000	0	0	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000
Đường điện, cấp thoát nước	12	074	6921	00000	0	0	49.302.000	49.302.000	49.302.000	49.302.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	074	6949	00000	0	0	0	49.203.000	0	49.203.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	074	7001	00000	0	0	48.600.000	48.600.000	48.600.000	48.600.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	10.080.000	10.080.000	10.080.000	10.080.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	2.344.001.001	4.622.482.360	2.344.001.001	4.622.482.360
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	28.430.745	56.861.660	28.430.745	56.861.660
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	074	6105	00000	0	0	104.566.600	114.965.000	104.566.600	114.965.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	708.042.255	1.399.013.629	708.042.255	1.399.013.629
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	11.610.000	16.524.000	11.610.000	16.524.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	409.872.511	808.943.690	409.872.511	808.943.690
Chi khác	13	074	6299	00000	0	20.800.000	0	0	0	20.800.000
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	500.611.034	987.865.878	500.611.034	987.865.878
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	85.819.034	169.348.435	85.819.034	169.348.435

Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	37.563.966	93.250.234	37.563.966	93.250.234
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	28.606.345	56.449.421	28.606.345	56.449.421
Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	0	40.926.600	0	40.926.600
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	29.528.800	37.001.800	29.528.800	37.001.800
Tiền nước	13	074	6502	00000	0	0	2.034.000	2.034.000	2.034.000	2.034.000
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000	0	0	2.246.000	2.246.000	2.246.000	2.246.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	074	6601	00000	0	0	66.003	132.006	66.003	132.006
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0	1.799.997	3.599.994	1.799.997	3.599.994
Khác	13	074	6649	00000	0	0	0	1.500.000	0	1.500.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0	8.845.000	8.845.000	8.845.000	8.845.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0	14.600.000	14.600.000	14.600.000	14.600.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	00000	0	0	400.000	400.000	400.000	400.000
Khoản công tác phí	13	074	6704	00000	0	0	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000	0	0	11.880.000	11.880.000	11.880.000	11.880.000
Thuê lao động trong nước	13	074	6757	00000	0	1.000.000	82.733.150	180.271.950	82.733.150	181.271.950
Chi phí thuê mướn khác	13	074	6799	00000	0	0	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0	2.711.000	2.711.000	2.711.000	2.711.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	074	7004	00000	0	0	0	23.100.000	0	23.100.000
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0	9.126.000	17.550.000	9.126.000	17.550.000
<b>Cộng:</b>					0	21.800.000	4.602.005.441	8.898.617.657	4.602.005.441	8.920.417.657
<b>Phần KBNN ghi:</b>										

**Ghi chú:** KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

**Ghi chú của KBNN:**

# KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 28 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngoc02 Hoang Thi Minh

Người ký: Hung07 Pham Quang  
Ngày ký: 28/06/2025 16:37:15  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực IV

Hung07 Pham Quang

# ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 28 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Vũ Thị Vân Chi  
Ngày ký: 28/06/2025 09:46:34  
Đơn vị: Trường THPT Nam Trực

Người ký: Đào Văn Duẩn  
Ngày ký: 28/06/2025 09:50:03  
Đơn vị: Trường THPT Nam Trực

Vũ Thị Vân Chi

Đào Văn Duẩn